TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2023
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.
Bà Lê Thị Thanh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 821/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Bích Th**, sinh năm: 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh **Võ Văn P**, sinh năm: 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 8 năm 2022 và lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích Th trình bày:

Chị và anh Võ Văn P tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T (nay là xã B), huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 27/6/2007. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ

chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Anh P thường xuyên nhậu nhẹt và cờ bạc. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đỗ Bích P, sinh ngày 08/11/2006 và Võ Văn Hoàng L, sinh ngày 10/11/2007. Trường hợp ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2023 bị đơn anh Võ Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Bích Th tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T (nay là xã B), huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 27/6/2007. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh thường xuyên rượu chè, cờ bạc, chị Th đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị Th xin ly hôn anh tại Tòa án thì anh xác định vẫn còn tình cảm và muốn có thời gian để vợ chồng cùng suy nghĩ lại đoàn tụ với nhau nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đỗ Bích P, sinh ngày 08/11/2006 và Võ Văn Hoàng L, sinh ngày 10/11/2007. Trường hợp ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh P kết hôn vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T cũ (nay là xã B) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị Th cho rằng quá trình sống chung vợ chồng ở thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường cãi vả nhau. Nguyên nhân là do

anh P không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đánh bạc, đá gà ăn tiền gây ra nợ nần. Chị đã trả nợ cho anh và khuyên ngăn anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Anh P xác định giữa anh và chị Th có phát sinh mâu thuẫn do anh thường xuyên nhậu nhẹt và cờ bạc. Vợ chồng anh đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Vào khoảng 2021 chị Th bỏ về nhà mẹ ruột sống. Anh đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện và gặp trực tiếp để khuyên chị chị Th đoàn tụ gia đình nhưng chị Th không đồng ý. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Th nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh P và chị Th ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh P không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ gia đình với chị Th nên việc chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Võ Đỗ Bích P, sinh ngày 08/11/2006 và Võ Văn Hoàng L, sinh ngày 10/11/2007. Hiện 02 con chung đang sống chung với ba và ông bà nội. Hai cháu P và Long có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị Th có nguyện được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P đồng ý giao 02 con chung cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con chung nên cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại Điều 81 - 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích Th và bị đơn anh Võ Văn P có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh Võ Văn P có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[3]. Về nội dung: Chị Đỗ Thị Bích Th và anh Võ Văn P có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã B), huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày

27/6/2007. Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng chị Th, anh P đã ly thân từ năm 2021 đến nay mà không hàn gắn đoàn tụ được. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, chị Th xin ly hôn anh P tại Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích Th về việc xin ly hôn với anh Võ Văn P thì thấy rằng: Chị Th, anh P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã B), huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 27/6/2007 nên xác định hôn nhân giữa chị Th, anh P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Nay chị Th xác định không còn tình cảm nên kiên quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh P không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm và muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2023 anh P cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh thường xuyên nhậu nhẹt và cờ bạc, chị Th đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh vẫn không thay đổi. Mặt khác vợ chồng ly thân đã lâu nhưng anh P cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng bàn bạc hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy, vợ chồng chị Th, anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, quá trình ly thân đã lâu nhưng vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt. Do đó không thể buộc một cuộc hôn nhân tồn tại mà không có hạnh phúc, vì vậy việc chị Th xin ly hôn anh P là có căn cứ chấp nhận, xử cho chị Đỗ Thị Bích Th được ly hôn anh Võ Văn P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đỗ Bích P, sinh ngày 08/11/2006 và Võ Văn Hoàng L, sinh ngày 10/11/2007. Trường hợp ly hôn chị Th, anh P thỏa thuận giao 02 con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Võ Đỗ Bích P, Võ Văn Hoàng L nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị Th là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Bích Th về việc xin ly hôn với anh Võ Văn P. Xử cho chị Đỗ Thị Bích Th được ly hôn với anh Võ Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Võ Đỗ Bích P, sinh ngày 08/11/2006 và Võ Văn Hoàng L, sinh ngày 10/11/2007 cho chị Đỗ Thị Bích Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Võ Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Th, anh P vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh P có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị Bích Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006324 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Chị Th, anh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

*** *Nơi nhận*** :
- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi cấp giấy CNKH;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

Lê Thị Ánh Sáng – Nguyễn Văn Ba **Nguyễn Văn Thành**